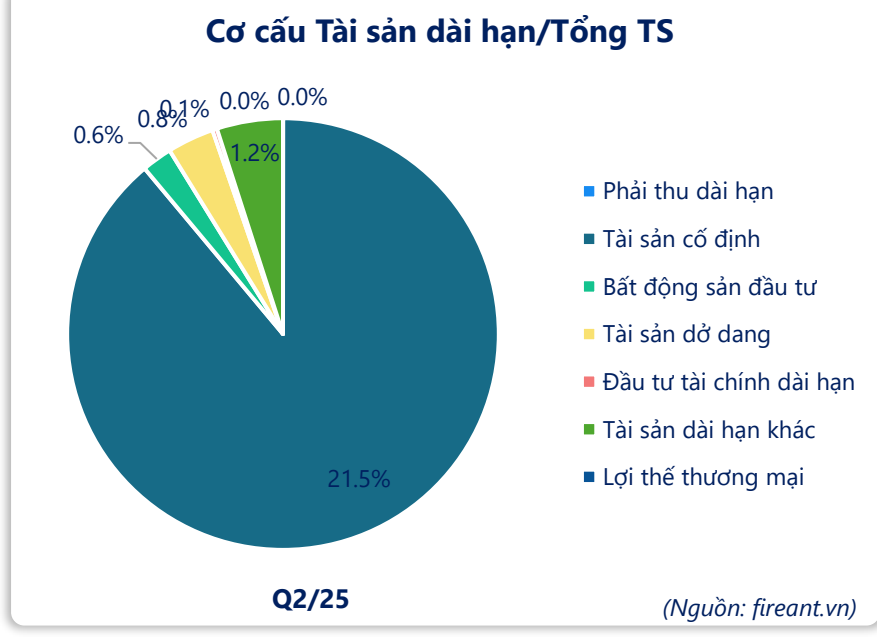
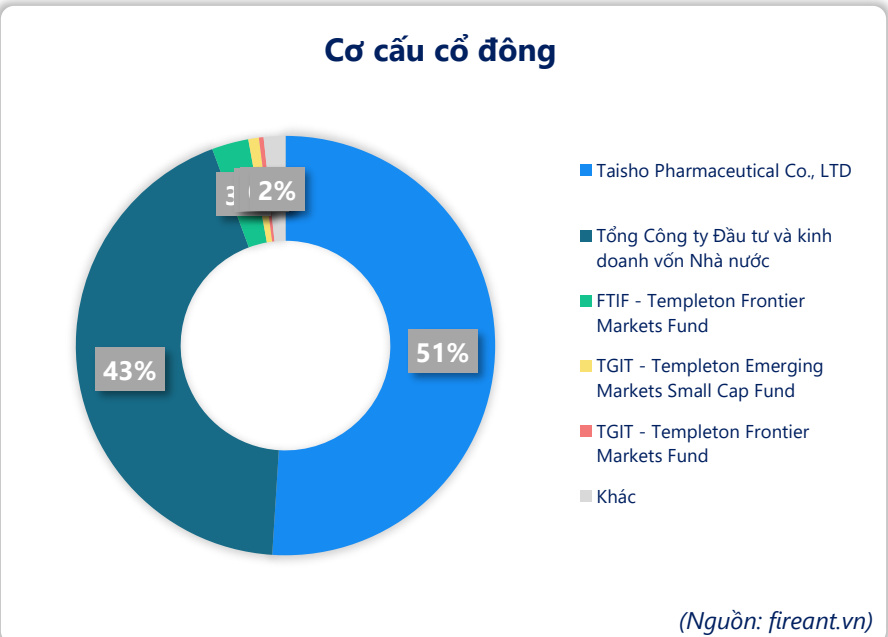
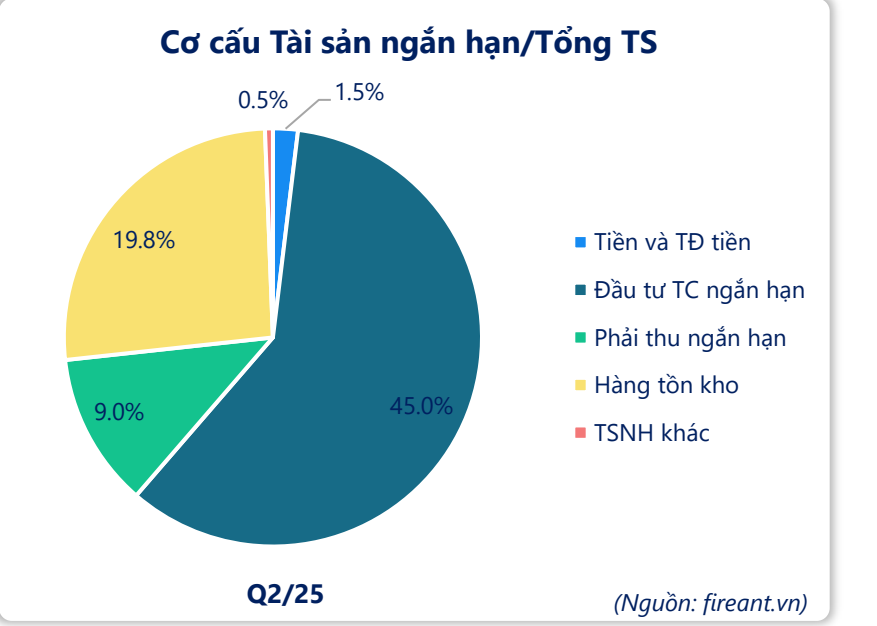
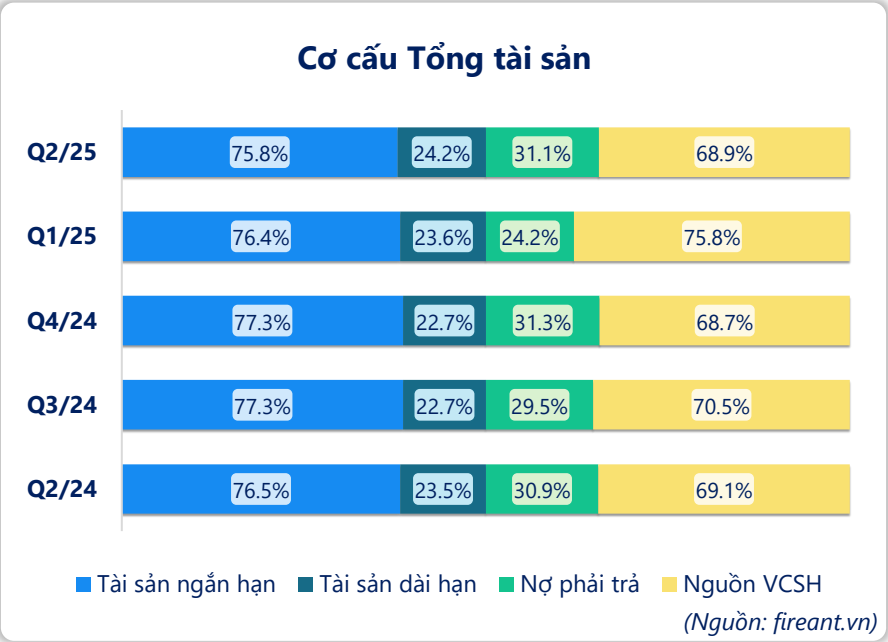
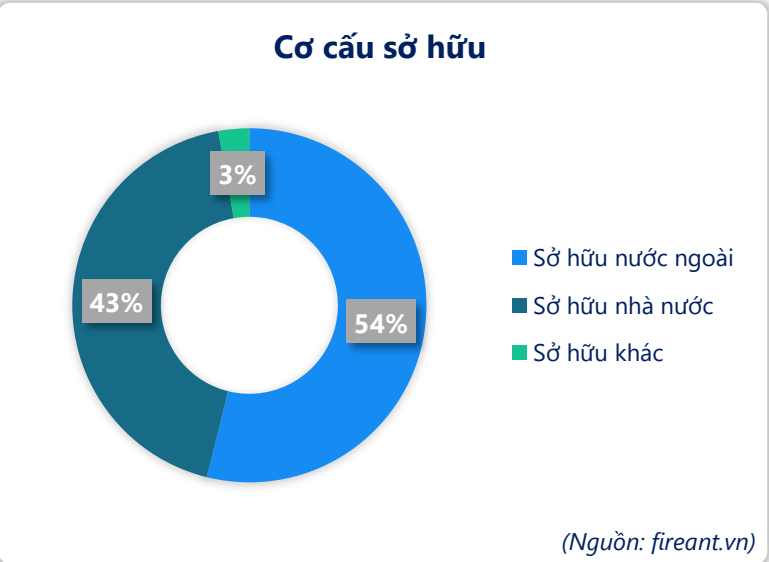
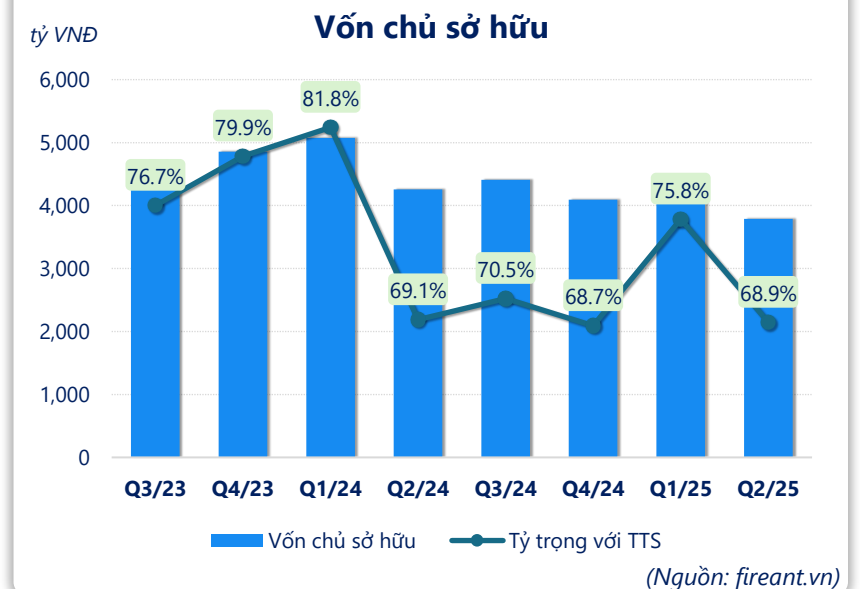
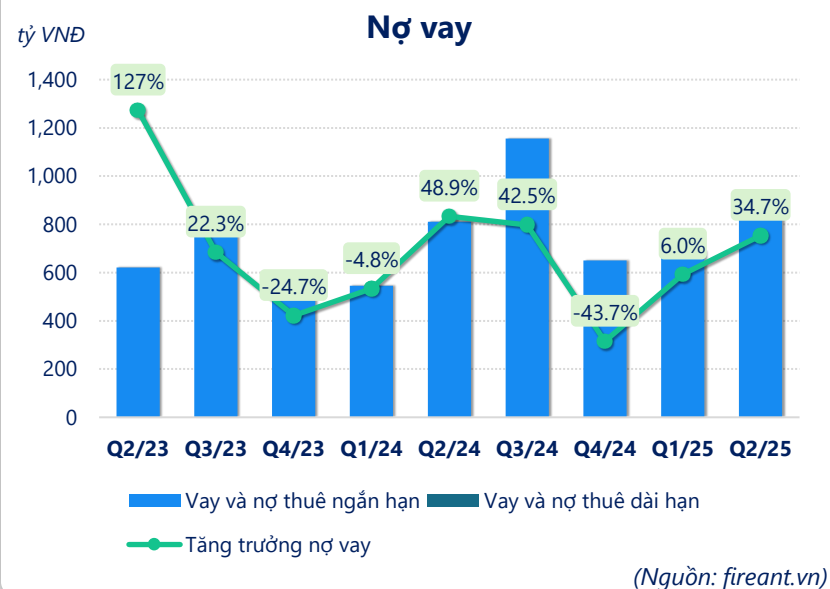
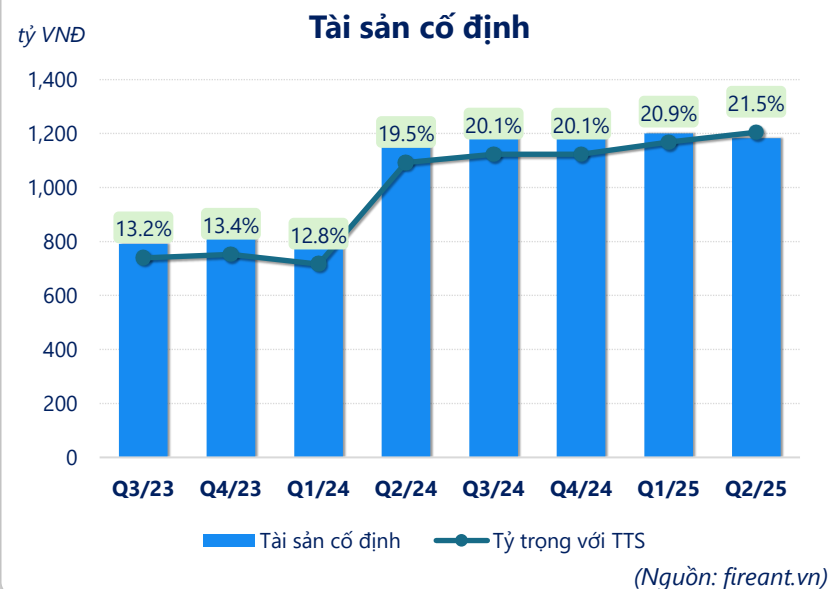
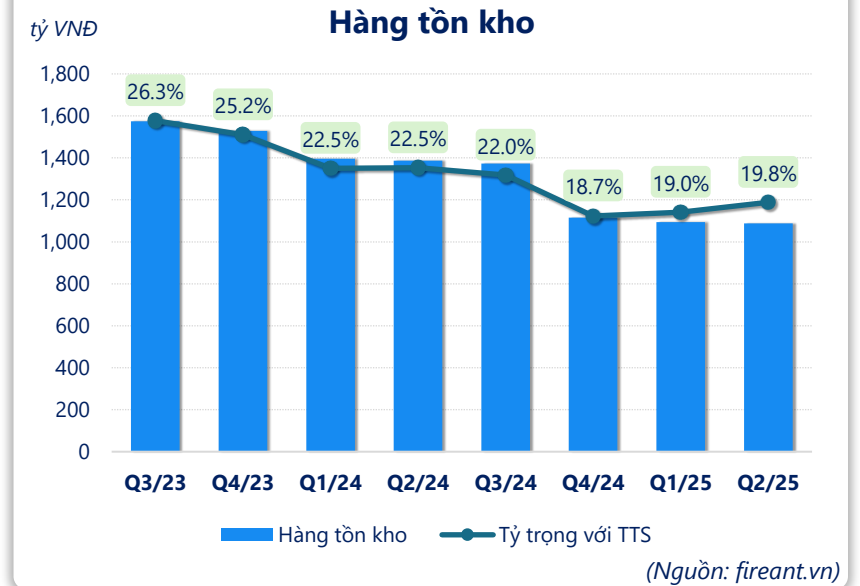
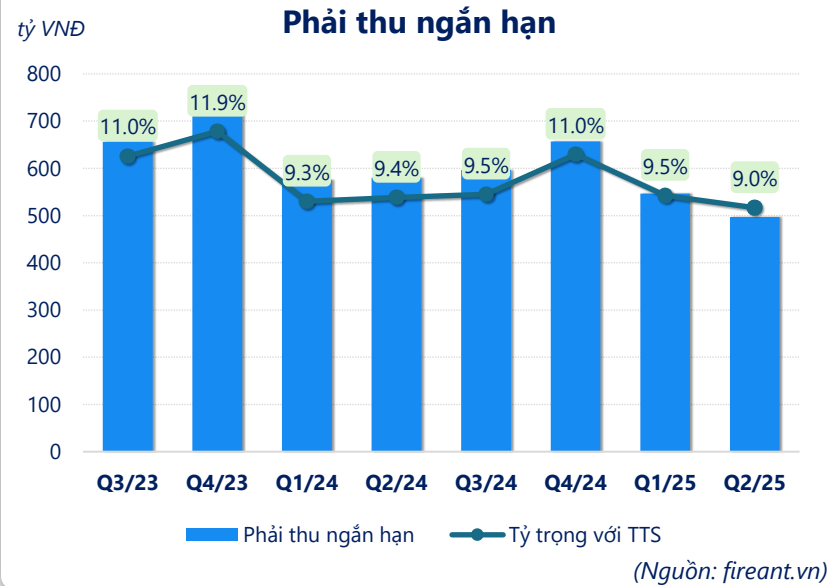
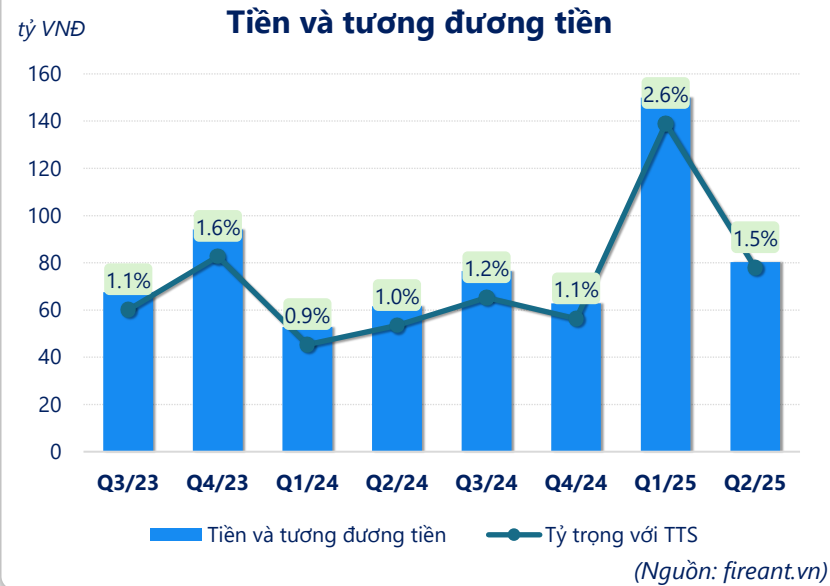
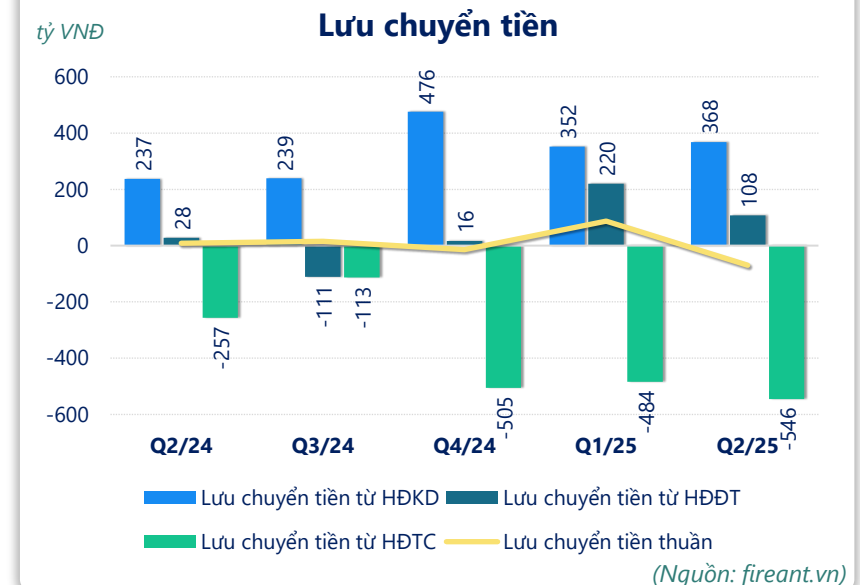
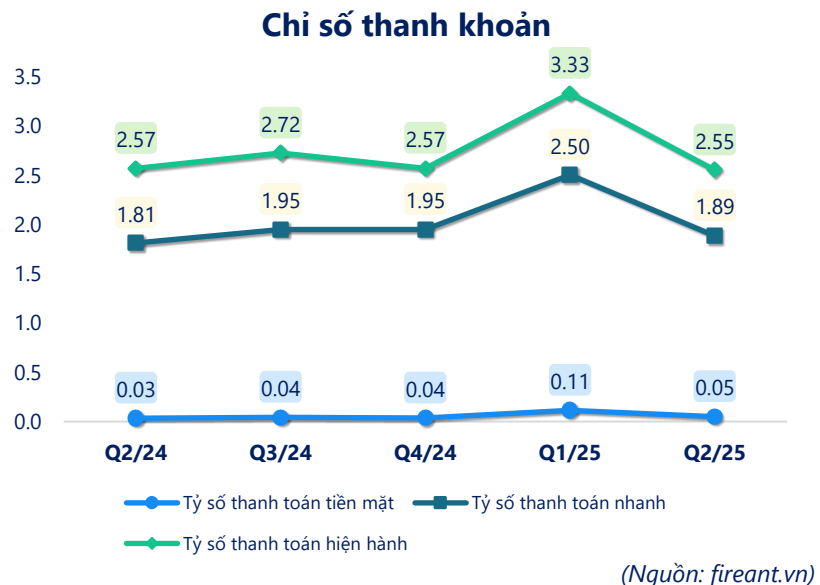
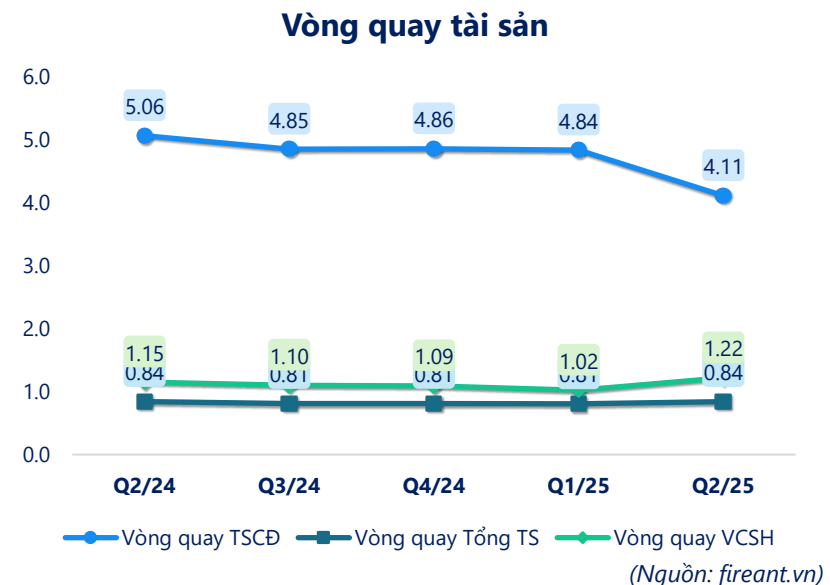
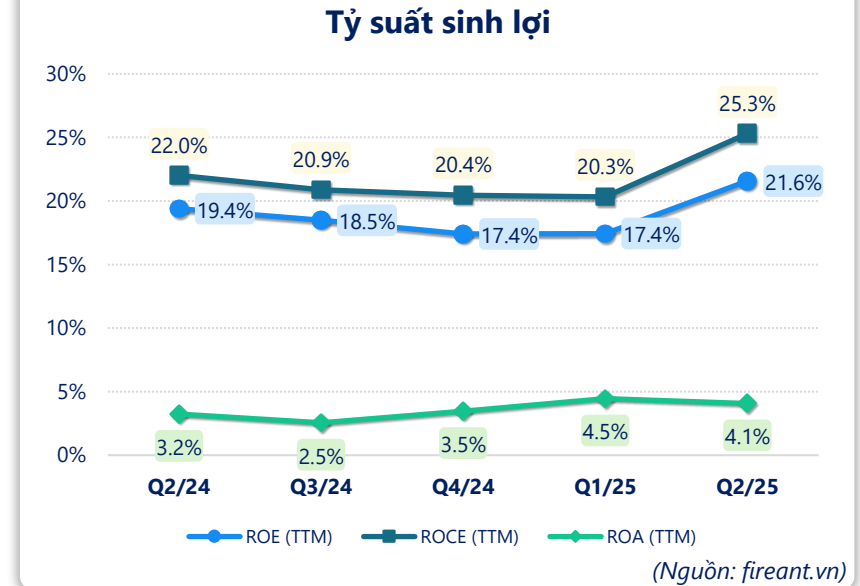
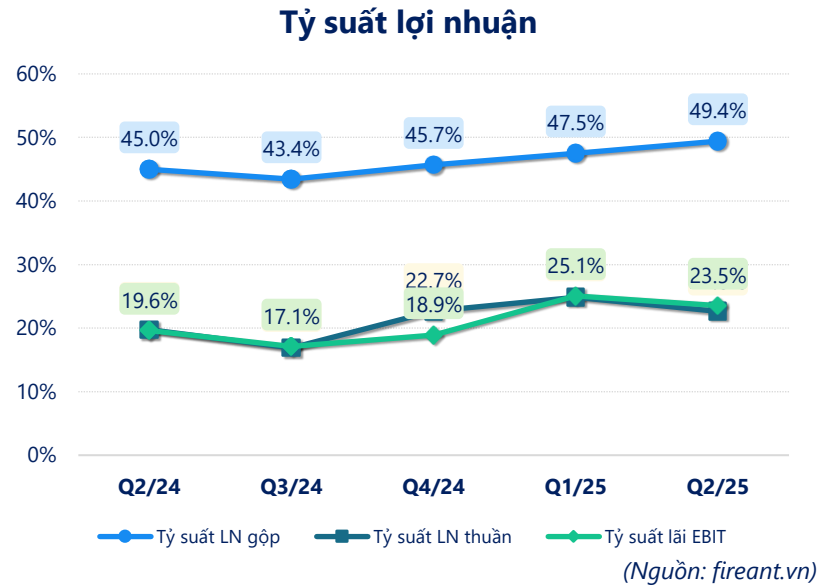
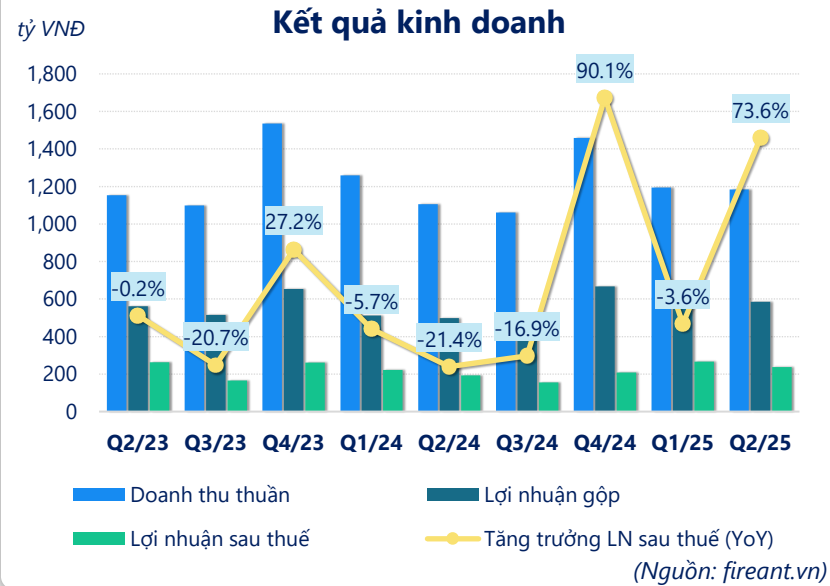


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		99,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		106,161
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		84,552
SL cổ phiếu LH		130,746,071
KLGD BQ 20 phiên (CP)		19,145
% sở hữu nước ngoài		53.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		13,035
P/E		15.0
EPS		6,634

	YTD	1T	3T	6T
DHG	1.9%	2.0%	5.7%	-0.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	5,495	5,959	-7.8%
Tài sản ngắn hạn	4,165	4,604	-9.5%
Tiền và tương đương tiền	80.3	62.9	27.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,475	2,745	-9.8%
Phải thu ngắn hạn	497	657	-24.4%
Hàng tồn kho	1,088	1,115	-2.5%
Tài sản ngắn hạn khác	25.4	24.0	5.9%
Tài sản dài hạn	1,330	1,355	-1.9%
Phải thu dài hạn	0.21	0.21	0.0%
Tài sản cố định	1,182	1,196	-1.1%
Bất động sản đầu tư	30.3	30.7	-1.3%
Tài sản dở dang	46.6	48.6	-4.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.63	4.44	4.3%
Tài sản dài hạn khác	65.9	75.4	-12.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,707	1,864	-8.4%
Nợ ngắn hạn	1,632	1,790	-8.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	928	650	42.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	293	167	75.3%
Nợ dài hạn	75.2	74.2	1.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,788	4,095	-7.5%
Vốn chủ sở hữu	3,788	4,095	-7.5%
Vốn điều lệ	1,307	1,307	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1,106	1,062	1,459	1,195	1,184
Giá vốn hàng bán	608	601	792	627	599
Lợi nhuận gộp	498	461	666	567	585
Doanh thu HĐTC	34.5	39.2	35.6	32.8	35.4
Chi phí TC	18.8	20.8	29.0	21.2	21.5
Chi phí lãi vay	3.74	7.64	8.22	6.20	6.50
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	225	229	258	202	255
Chi phí QLDN	69.7	71.2	83.4	80.3	76.4
LN thuần từ HĐKD	218	179	331	297	268
Lợi nhuận khác	-5.48	-5.23	-63.7	-3.67	4.50
LN trước thuế	213	174	267	293	272
Lợi nhuận sau thuế	192	156	208	266	237
LNST của CĐ cty mẹ	192	156	208	266	237

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	237	239	476	352	368
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	28.2	-111	15.9	220	108
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-257	-113	-505	-484	-546
Tiền đầu kỳ	52.7	61.6	76.4	62.9	150
Lưu chuyển tiền thuần	8.81	15.1	-13.7	87.1	-69.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0.09	-0.28	0.13	0.07	0.00
Tiền cuối kỳ	61.6	76.4	62.9	150	80.3

(Nguồn: fireant.vn)